

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Y V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

- *Bị đơn*: Anh A S, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y V và anh A S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y V và anh A S thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*:

Chị Y V và anh A S có 02 con chung là cháu Y T, sinh ngày 09/12/2008 và cháu A B, sinh ngày 03/10/2012. Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung là cháu Y T, sinh ngày 09/12/2008 cho anh A S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được. Giao con chung là cháu A B, sinh ngày 03/10/2012 cho chị Y V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và tự lập được. Chị Y V và anh A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Y V và anh A S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi đương sự phải chịu một nửa là 75.000 đồng. Chị Y V tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh A S, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Y V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002508 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Y V số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glei;
- UBND xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Y Trinh